

THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH TÁN

QUYỂN 6 (Phần 2)

PHẨM 12: QUÁN NHƯ LAI

Mười một phẩm chính thức nói về phần bản tông, được phân làm ba: Chín phẩm đầu nói về cảnh Bồ-tát, một phẩm kế nói về hạnh Bồ-tát và phẩm này nói về quả Bồ-tát. Có tu hành ắt đương lai sẽ thành quả lớn. Danh từ Như Lai thì như trước đã giải thích. Quán tức quán xét, trí kiến chiếu soi, gọi là quán. Sợ người tu hành chấp có thật Như Lai, chẳng biết chánh quán ba thân sai biệt, nên nay dạy chánh quán, cầu chứng làm Phật. Nhân nơi ý của ngài Vô Cấu mà trình bày diện thể Như Lai. Phẩm này nói rộng về việc trên, cho nên gọi là phẩm Quán Như Lai.

Kinh: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... quán Như Lai ư?*

Tán: Thân Phật có hai là thân thật và thân quyền, do hai thân này mà phẩm được phân làm hai đoạn:

1. Như Lai hỏi để nói về quán pháp thân Như Lai, hoặc gồm cả thân thọ dụng; tức từ câu chứng hội Nhất thiết trí trí... là nói về thân tự thọ dụng và thật thân.

2. Thu Tử hỏi, nhân thấy Phật Vô Động, nói về quán thân tha thọ dụng, gồm hiển bày việc Đức Thích-ca trụ ở cõi tạp uế là Phật hóa thân đều là thân quyền hiện.

Đoạn dưới Thu Tử khen ngợi Vô Cấu Xưng rằng: “Có thể xả bỏ cõi Phật thanh tịnh kia mà thích đến cõi có nhiều tạp uế này.” Cho nên biết Phật Vô Động là thân tha thọ dụng, Phật Thích-ca là hóa thân. Thân của chư Phật chẳng ngoài hai thân quyền thật, ở đây nói quán Như Lai thì cả hai đều đầy đủ, nhưng lấy Thích-ca làm quyền hóa, tùy sự mà quán xét hai thân pháp báo, lý sâu kín khó hiểu, nhờ vào đây để nêu câu hỏi làm rõ pháp quán Như Lai, chẳng phải chỉ quán hóa thân của Đức Thích-ca. Luận Phật Địa ghi: “Thân Phật có hai là Pháp thân

và sinh thân. Chân như pháp thân và tự thọ dụng thân đều gọi là pháp thân vì do pháp công đức chân thật tích tập thành. Phật tha thọ dụng và Phật hóa thân đều gọi là sinh thân, vì chẳng phải do thật đức tạo thành”. Do đó phân khoa văn này căn cứ theo đó mà chia làm hai. Văn đầu tiên lại có hai:

1. Hỏi.

2. Đáp.

Đây là lời hỏi nêu lên ý trước kia là quán Như Lai: “Ông nên quán Như Lai như thế nào? Là quán tướng quyền hay quán thật.”

Kinh: *Vô Cấu Xưng nói... nên quán như thế.*

Tán: Đây là lời đáp, gồm có ba:

1. Nêu chung.

2. Giải thích riêng.

3. Kết luận.

Đây là văn thứ nhất. Không Lý Nghĩa ghi: “Thân Thích-ca là thân thế tục quyền hiện, có tướng mạo để thấy; thể của Phật chân thật tức các pháp tánh không, không hình không tướng, chẳng thể thấy được. Nay quán chân Phật cho nên nói là: “Con quán đều chẳng thấy”. Kinh Bát-nhã ghi: “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu được ta, người ấy đi vào trong tà đạo, chẳng thể thấy ta được, cho nên quán Như Lai đều chẳng thể thấy. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Chân lý pháp thân, không hình không tướng, thân tự thọ dụng tuy là năm uẩn, nhưng vi tế thù thắng, Bồ-tát Địa thứ mười còn chẳng thể biết, huống gì là hàng giai vị thấp. Thể đầy khắp cả pháp giới, chẳng thể dùng sắc tướng mà có thể nắm bắt, cũng chẳng thể thấy được cho nên ở đây trả lời chung: “Nên quán như thế.” Bản dịch xưa ghi: “Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế.” Thật tướng tức chân như, hơi khác với bản dịch mới; chỉ được giải thích pháp thân mà thôi.

Kinh: *Vì sao?... hiện tại chẳng trụ.*

Tán: Sau đây là giải thích riêng. Không Lý Nghĩa ghi: “Sau đây nói quán chân thân, có hai:

1. Giải thích sơ lược.

2. Giải thích rộng.

Đây là phần một, thân y cứ theo thể tục mà hóa hiện, từ mé trước ở quá khứ tu tập cho đến mé sau ở vị lai hóa đạo và hiện tại xuất thế giáo hóa chúng sinh, đều có thể thấy được. Chân đế thì vô hình, tánh vốn không, không có ba thời đến đi và hiện trụ, thì làm sao có thể thấy được? Cho nên quán Như Lai đều không thể thấy. Bát-nhã ghi: “Diệu

thể của Đức Như Lai kia tức là pháp thân của đấng đạo sư, thể ấy chẳng thể thấy, thức ấy chẳng thể biết. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Văn sau giải thích có hai:

1. Từ câu “đến vắng lặng giải thoát...” là nói về pháp thân.
2. Từ câu “chứng hội...” là nói về quán tự thọ dụng thân.

Trong phần đầu có hai:

1. Sơ lược.
2. Giải thích rộng.

Vì sao quán pháp thân đều không thấy, vì chẳng phải ba thời, nếu thuộc ba thời thì có thể thấy.

Kinh: *Vì sao?... tánh ấy chẳng thể biết.*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: “Sau đây giải thích về quán chân thân, vĩnh viễn xa lìa các tướng thế tục, tuy có nhiều văn từ khác, nhưng ý nghĩa đều hiển bày chân thân lìa các tướng, lìa các uẩn, tánh không”. Nhưng chẳng phải một bề như thế, cho nên quán ngoài các uẩn, chân tánh chẳng phải thức. Ứng Lý Nghĩa ghi: Sau đây là giải thích pháp thân, gồm có sáu:

1. Lìa tướng năm uẩn.
2. Khác thân trong ba cõi.
3. Thuận đạo xuất thế.
4. Trừ pháp và phi pháp.
5. Đồng chân vượt tục.
6. Lìa trói buộc và giải thoát.

Đây là văn thứ nhất. Năm uẩn chân như là pháp thân Phật, nên quán năm uẩn như phi năm uẩn, cho nên kinh Bát-nhã ghi: “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy được ta”. Diệu thể của Như Lai tức pháp thân Phật, thể ấy chẳng thể thấy, thức ấy chẳng thể biết. Nhưng kinh Niết-bàn... ghi: “Xả bỏ sắc vô thường mà đạt được sắc thường, thọ tưởng hành thức cũng như thế”, đó là nói là Phật báo thân, cho nên không trái nghịch. Bản xưa ghi: “Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh”, theo Không Lý Nghĩa ghi: “Sắc tức có tướng, như tức không tướng, tánh tức nhân duyên. Sắc thuộc nhân duyên thì đều không có tự tánh”. Ứng Lý Nghĩa giải thích: “Sắc là y tha, như là viên thành, tánh là sở chấp. Cả ba nương vào lời nói mà diễn bày, pháp thân thì xa lìa điều đó, cho nên chẳng thấy”. Tuy giải thích như thế nhưng trái với bản mới, mà nghĩa có thể giống nhau.

Kinh: *Chẳng trụ bốn giới... xa lìa ba cấu.*

Tán: Thứ hai, khác với thân ba cõi, gồm có sáu:

1. Chẳng trụ bốn giới đất, nước, lửa, gió, vì chẳng do bốn giới này tạo thành.

2. Đồng với hư không giới, vì không ngăn ngại, chỉ dụ như hư không mà thôi.

3. Chẳng phải sáu xứ bên trong, vì tánh phát khởi tự thường hằng, bản xưa ghi: “Sáu nhập không tích tập, vì chẳng phải tích tập sáu trần làm tự tánh.

4. Siêu việt sáu căn thế gian, vì do chánh trí chứng ngộ.

5. Chẳng phải ba cõi xen tạp vì thuần là vô lậu.

6. Xa lìa ba cấu vì lìa tham, sân, si có cấu là tự thể.

Kinh: *Thuận ba giải thoát... không có bờ mé chướng ngại.*

Tán: Thứ ba là thuận đạo xuất thế. Có ba:

1. Thuận ba giải thoát, thể của ba giải thoát là Không Vô tướng, Vô nguyên; pháp thân là cảnh diệu trí thuận chánh trí năng quán.

2. Tùy sáng tỏ, ba trí: túc mạng, thiên nhãn và lậu tận, vì đoạn trừ ngu của ba thời, chiếu soi ba thời, cho nên gọi là minh, chí tức là đến, đến ba minh tức là pháp thân Bồ-đề trí Phật, tùy thuận ba minh hay đến (năng đáo). Thể của chân như này chẳng phải là tuệ minh vô lậu, mà gọi là minh, mà là chân tánh của tuệ nên giải thích là minh. Chẳng phải hay đến mà gọi là đến mà vì thể là tánh của hay đến và được đến (năng đáo sở đáo) nên giải thích là đến.

3. Đến bờ mé không chướng ngại của tất cả pháp, đây là tánh chân như đến tất cả pháp, hoặc phẩm trí chướng, không chướng không ngại cùng tận bờ mé.

Kinh: *Thật tế chẳng phải bờ mé... tánh đều lìa.*

Tán: Thứ tư, lìa pháp và phi pháp, có bốn mươi bảy câu, bản xưa chỉ có hai mươi chín câu. Đoạn này có ba câu, trong đó đều một bề ngăn chấp trước. Nhưng có lời nói có phân biệt thì chẳng phải là bản tánh của pháp thân, vì lời nói phân biệt chẳng xứng hợp với lý. Nay vì ngăn dứt điều này cho nên nói là phi (chẳng phải). Vả lại câu đầu, tuy nói thực tế nhưng chẳng phải là bờ mé của danh ngôn và phân biệt, chân như cũng thế, chẳng phải nhất định là chân như, cả hai đều vô sở trụ, cũng chẳng phải là trí năng duyên, cho nên chẳng phải tương ứng. Vì thời bình đẳng, chỗ y bình đẳng, xứ bình đẳng, sự bình đẳng cho nên gọi là tương ứng, và cũng đều lìa cảnh chân như và trí.

Kinh: *Chẳng phải do nhân sinh... chẳng phải dị tướng.*

Tán: Đoạn này có sáu câu:

1. Chưởng phải do nhân duyên khởi.
2. Chưởng phải tướng hữu vô.
3. Chưởng phải tướng tự tha.
4. Chưởng phải tướng nhất dị.
5. Chưởng phải tướng sở.

6. Chưởng phải tướng năng nhân gần là chỉ cho nhân duyên, duyên xa là ba duyên còn lại.

Tướng sở tức chỗ biểu hiện, tướng năng tức hay biểu hiện, cả hai đều có tức lia đồng dị, tất cả đều chưởng phải. Bản xưa ghi: Chưởng phải một với tướng không, chưởng phải khác với tướng hữu, chưởng phải tự tướng, chưởng phải tha tướng, cộng tướng, chưởng phải không có tướng, ngăn trừ tướng, chưởng phải chấp thủ tướng.

Kinh: *Chưởng phải bờ này... chưởng phải trụ chưởng phải khứ.*

Tán: Đoạn này gồm chín câu: Ba câu khứ, hiện tại và vị lai hợp thành một câu. Bờ này là sinh tử, bờ kia là Niết-bàn, giữa dòng là phiền não, chưởng phải “đều”, tức chưởng phải cũng trong ngoài. Chưởng phải “chẳng đều” tức chưởng phải chẳng phải trong, chẳng phải chẳng phải ngoài. Bản xưa ghi: “Nhưng vì hóa độ chúng sinh mà quán nên tịch diệt; mà chưởng phải vĩnh viễn tịch diệt; chưởng phải là pháp thân mà hay hóa độ, chưởng phải là thể của đây kia. Chưởng dùng đây kia tức là chưởng lấy đây kia để hiển bày, trí thế gian chẳng thể biết, tâm thức chẳng thể phân biệt.

Kinh: *Không danh không tướng... không có nghĩa lý gì.*

Tán: Đoạn này gồm bảy câu. Danh tức năng thuyên, tướng tức sở thuyên, chẳng trụ trong thân sắc uẩn có phân lượng cũng chẳng lia thân này, không có một thể để chỉ bày, không có một nghĩa lý gì để nói cho người.

Kinh: *Không bố thí, không bỏn sẻn... chẳng trí tuệ, không ngu si*

Tán: Đoạn này gồm sáu câu. Sáu độ đối đãi với sáu tặc (sáu điều xấu ác).

Kinh: *Chẳng thật (đế) chẳng dối... chẳng phải sở thủ.*

Tán: Đoạn này gồm tám câu. Đế tức thật, vọng tức hư dối. Tất cả lời nói việc làm đều dứt bật.

Kinh: *Chưởng phải tướng... bình đẳng, bình đẳng.*

Tán: Đoạn này gồm sáu câu. Chưởng phải có tướng trạng, chẳng phải không tướng trạng, chẳng phải làm chẳng phải chẳng làm. Thể không tính toán được, xa lia các sự tính toán; thể không bị chướng ngại, trước sau tướng tựa bình đẳng, trước như sau đều bình đẳng, sau như

trước đều bình đẳng.

Kinh: *Đồng với mé chân thật... chẳng biết chẳng hay.*

Tán: Thứ năm, là nói đồng chân vượt tục. Hai câu đầu là nói đồng với chân, bảy câu sau nói về siêu tục. Mé chân (chân tế) tức trí vô phân biệt, không có chỗ duyên để đến; pháp thân đồng với trí này. Pháp giới tức công đức pháp tánh, vì các nghĩa như pháp thân... đồng với Thể. Hai câu này là nói đồng với chân. Năng xứng tức là năng thuyết, sở xứng tức sở thuyết, chư xứng tánh tức là tánh năng thuyết sở thuyết, lượng nghĩa là trừ lượng; ba nghĩa cũng như thế.

Kinh: *Xa lìa sự trói buộc, vắng lặng giải thoát.*

Tán: Thứ sáu là xa lìa trói buộc và giải thoát. Chẳng bị vật câu thúc gọi là pháp thân.

Kinh: *Chứng hội Nhất thiết trí trí... cùng khắp tất cả.*

Tán: Đây trở xuống là quán tự thọ dụng thân, tổng cộng có mười bảy câu. Bốn câu đầu nói về thể báo thân, mười ba câu sau nói lìa chấp trước pháp. Đây là bốn câu đầu. Chánh trí năng duyên hay chứng hội trí này mà thành Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí, tâm cảnh thâm hợp, lý và thần hội, cho nên nói bình đẳng, đạt được bản tánh không hai của loài hữu tình, vì bản tánh chân như vốn không sai biệt. Hoặc bi trí này bình đẳng duyên với hữu tình không hai; đi tức là đến, đến tất cả tánh sai biệt của tất cả hữu tình, đây là thân Bồ-đề tự thọ dụng của chánh trí Phật, cùng khắp tất cả, đồng với chân như. Bản xưa ghi: “Đồng với các trí”, được Nhất thiết trí trí thì chư Phật đều đồng. Đồng với chúng sinh tức quán các chúng sinh không hai vì đồng chân tánh.

Kinh: *Chẳng tội chẳng khiên... chẳng khởi chẳng tận.*

Tán: Từ đây xuống là mười ba câu lìa các chấp. Đoạn này gồm bảy câu. Tội tức là quả khổ đáng nhàm chán; khiên tức là nghiệp, hoặc tội nặng, trước tức ba nghiệp y cứ vào kiến giải điên đảo của ngoại đạo mà sinh; thuộc về bất tín vẫn đục mà Thánh giáo đối trị; uest nghĩa là ba nghiệp ô nhiễm tương tục, nương vào đó mà phát sinh các nghiệp chướng như thế; vả lại thuộc về tổn giảm kiến, làm tăng sự ô uest của pháp nghĩa thanh tịnh gọi là uest. Tát-ca-da kiến chướng ngại nghĩa chân vô ngã gọi là trước, tất cả đều vô ngại, cũng không chấp trước, xa lìa ba phân biệt và bảy phân biệt; tám phân biệt... không có vật được tạo tác, không có vật được sinh khởi, dứt trừ các tạo tác và sinh tự nhiên... cũng dứt trừ tạo tác và sinh của các pháp có thật, cũng không thật giả và thật có khởi và tận. Hoặc không có cõi sinh khởi, cũng không có các cõi diệt tận.

Kinh: *Chẳng đã chẳng sẽ... chớ chẳng thể nói năng.*

Tán: Đoạn này gồm sáu câu. Không thật có quá khứ vị lai, cho nên không có đã và sẽ, không có năm sự sợ sệt, không có lậu nhiễm; tám gió chẳng làm lay động, cho nên không vui buồn; đã đến rồi ráo cho nên không còn thích hay chán; hai, ba, bảy đều bình đẳng, phân biệt chẳng thể duyên, vì chỉ có trí hay chứng ngộ; lời nói chẳng thể bàn vì chẳng phải lời nói có thể chứng ngộ; tánh là y tha mà cũng lìa các sự chấp trước.

Kinh: *Thế Tôn Như Lai... gọi là tà quán.*

Tán: Đây là kết luận nêu chánh quán. Đây là nói quán hai chân thân là pháp và báo thân, gọi là chánh quán. Quyền là chân và tà quán.

Kinh: *Bấy giờ, Xá-lợi-phất... thế giới kham nhẫn.*

Tán: Đoạn thứ hai, Thu Tử hỏi. Nhân thấy Phật Vô Động, tu quán thân tha thọ dụng và gồm hiển Đức Thích-ca trụ ở uế độ là Phật hóa thân; trong thân đều quyền, có bốn phần:

1. Thu Tử hỏi.
2. Như Lai đáp.
3. Vui mừng khi thấy cõi Diệu Hỷ.
4. Thu Tử tán dương.

Đây là lời hỏi. Không chỉ Thu Tử chưa biết nguyên do, mà còn nhờ vào câu hỏi này để nêu lên báo độ tha thọ dụng. Thiên nữ đã nói bản trụ nên hỏi chỗ đến mà chẳng hỏi từ đâu đến. Tịnh danh đã vì chúng sinh nên hỏi từ đâu đến mà chẳng hỏi chỗ đi.

Kinh: *Thế Tôn dạy rằng: “Ông nên hỏi ông ấy”.*

Tán: Từ đây là phần Như Lai trả lời. Có ba:

1. Suy ra mà trả lời để hiển lý.
2. Tự trả lời để hiển sự. Bản xưa ghi: “Hỏi Duy-ma-cật”, chẳng có lời văn hỏi Phật, sau đó Phật tự trình bày, vả lại không có lời hỏi về nơi chốn, thế thì rất trái nghịch.

Trong phần đầu lại có hai:

1. Suy hỏi.
2. Hỏi Vô Cấu.

Đây là phần đầu. Thu Tử hỏi về sự tích từ đâu đến đây, cho nên Đức Phật cũng trình bày sự tích để trả lời. Nhân lời hỏi hôm nay mà ngộ được lý sâu xa, cho nên suy hỏi.

Kinh: *Bấy giờ, Xá-lợi Tử... sinh đến cõi này.*

Tán: Phần hỏi Vô Cấu có tám:

1. Chánh thức hỏi.
2. Phản vấn.
3. Chánh thức đáp.
4. Trách vấn.
5. Chánh đáp.
6. Dẫn hỏi.
7. Ấn khả.
8. Chánh thức trình bày.

Đây là phần đầu.

Kinh: *Vô Cấu Xung nói... từ chết sinh sao?*

Tán: Đây là phần phản vấn. Khổ nên biết khắp, diệt nên chứng ngộ. Nêu lên sự sai khác giữa hữu lậu và vô lậu khi chính thức chứng lý, mà làm câu hỏi.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói rằng... có thể chết rồi sinh.*

Tán: Thứ ba chánh thức trả lời. Chứng ngộ nhập lý, thì không có việc chết sinh.

Kinh: *Vô Cấu Xung nói... sinh đến nước này.*

Tán: Thứ tư, trách vấn, có hai:

1. Trách câu hỏi trước.
2. Lại nêu lên lời trách.

Đây là văn đầu.

Kinh: *Lại Xá-lợi Tử... mà sinh đến đây.*

Tán: Lại nêu lên lời trách. Trên là dùng lý để biện lý, không có chết rồi sinh, đây là dùng sự để luận nạn về sự, không có chết rồi sinh.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói... có chết sinh.*

Tán: Thứ năm là chánh thức trả lời. Huyền hóa đã chẳng phải chân, cho nên không có sinh rồi chết.

Kinh: *Vô Cấu Xung nói... như huyền hóa chẳng?*

Tán: Thứ sáu dẫn hỏi, dẫn giáo làm câu hỏi, để nêu lên nghĩa chung.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói: “Như thế! như thế!”.*

Tán: Thứ bảy, ấn khả.

Kinh: *Vô Cấu Xung nói... sinh đến nước này.*

Tán: Thứ tám, chánh thức trình bày. Trước dùng lý bình đẳng đã không có chết sinh, nay thì sự bằng nhau thì đâu cần phải hỏi. Phần này có hai:

1. Nói thẳng.
2. Hiện bày.

Đây là nói thẳng.

Kinh: *Lại Xá-lợi Tử... các hành tương tục*

Tán: Đây là phần hiển thị, có hai:

1. Giải thích riêng về tướng chết rồi sinh.
2. Giải thích.

Nay nói chết tức là tướng đoạn diệt của các hành hữu vi. Sinh tức là tướng tương tục của các hành hữu vi, thể của hai tướng này chẳng phải thường hay đoạn, mà tựa có hai tướng này, nên gọi là chết rồi sinh.

Kinh: *Bồ-tát tuy chết... các hành tướng của pháp ác không tương tục.*

Tán: Đây là phần chánh giải thích. Tuy thị hiện có chết, nhưng chẳng đoạn hạnh lành, mà không có tướng đoạn; tuy thị hiện có sinh, mà chẳng tương tục hạnh ác, mà chẳng có tướng thường. Ở đây tuy có chết sinh, nhưng không có tướng đoạn thường.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... sinh đến cõi này.*

Tán: Trả lời để hiển rõ sự, có ba phần:

1. Phật chỉ dạy.
2. Thu Tử tán dương.
3. Vô Cấu vấn đáp.

Đây là đoạn thứ nhất. Thế giới phương Đông tên là Diệu Hỷ, có các loại trang nghiêm, người thấy sinh ưa thích, có Đức Phật hiệu là A-súc, Hán dịch là Vô Động, thế giới này tám gió thổi chẳng động, bốn ma chẳng thể xâm hủy, thường an lạc chẳng biến dịch cho nên gọi là Vô động, vì độ chúng sinh nên ông ấy từ cõi kia sinh sang đây.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói... cõi có nhiều tạp uế.*

Tán: Thu Tử tán dương kia là tha báo độ cho nên nói thanh tịnh, đây là biến hóa độ cho nên nói tạp uế.

Kinh: *Vô Cấu Xưng nói... cùng với tướng tối xen lẫn không?*

Tán: Vô Cấu Xưng hỏi đáp, có năm.

Đây là đoạn Vô Cấu Xưng hỏi.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói... bóng tối đều diệt.*

Tán: Thu Tử trả lời. Sáng sinh thì tối diệt, cho nên chẳng xen lẫn. Ý nói Bồ-tát chẳng thích đồng trụ với ác chúng sinh.

Kinh: *Vô Cấu Xưng nói... lưu chuyển ở Nam Thiệm-bộ châu.*

Tán: Thứ ba, Vô Cấu hỏi. Vì để giải thích điều nghi rằng: “Nếu chẳng thích xen lẫn thì vì sao Bồ-tát sinh vào cõi này?” cho nên mới nêu câu hỏi trên.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói... chiếu sáng.*

Tán: Thứ tư, Thu Tử trả lời.

Kinh: *Vô Cấu Xung nói... bóng tối phiền não.*

Tán: Thứ năm, Vô Cấu xung giải thích. Văn hiển rõ ý nghĩa, cho nên chẳng giải thích thêm.

Kinh: *Bấy giờ, đại chúng... các chúng như Thanh văn...*

Tán: Đoạn thứ ba, vui thích thấy cõi Diệu Hỷ, có bảy phần:

1. Đại chúng đều mong cầu được thấy.
2. Đức Phật bảo hiện.
3. Vô Cấu suy nghĩ.
4. Chính thức khởi thân lực.
5. Thế Tôn hỏi để khuyến khích.
6. Trời người được lợi ích.
7. Việc xong trở về.

- Đây là phần đầu gồm có ba:

1. Mong được thấy cõi nước.
2. Mong được thấy Đấng Pháp Vương.
3. Mong được thấy chúng hội, như văn đã ghi có thể biết được.

Kinh: *Đức Phật biết chúng hội... khiến sở nguyện viên mãn.*

Tán: Thứ hai, Đức Phật bảo hiện. Vì sao Như Lai chẳng hiện để khiến được thấy mà bảo cho Vô Cấu Xung hiện? Vì muốn hiển việc cư sĩ trợ giúp Phật giáo hóa còn hiện thân thông, hà hưởng gì Như Lai? Vả lại bản độ kia còn khiến cho tự hiện, đâu nhờ đến Phật? Lại đâu có phân biệt tự tha, muốn hiện liền được. Hơn nữa muốn hiển thị Bồ-tát đều sinh tịnh độ, ắt phải có thân tha thọ dụng; biết thân Thích-ca là thân quyền hóa, cho nên khiến Vô Cấu biến hiện, theo lý cũng không trái nghịch.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xung... nam nữ lớn nhỏ.*

Tán: Thứ ba, Vô Cấu tư duy, có ba:

1. Di chuyển khí thế gian và hữu tình.
2. Suy nghĩ đời cõi Phật xuất thế và việc lợi lạc.
3. Suy nghĩ đời đại chúng trong cõi đại thiên.

Đây là văn thứ nhất. Từ câu “vương đô...” trở về trước là nói khí giới Diệu Hỷ, từ “Bồ-tát Thanh văn, nam nữ lớn nhỏ...” là nói về hữu tình giới.

Kinh: *Cho đến nói rộng ra... đại chúng trong hải hội.*

Tán: Thứ hai, suy nghĩ đời Phật xuất thế và việc lợi lạc, có hai:

1. Suy nghĩ đời Phật và đại chúng.
2. Suy nghĩ đời Phật sự.

Đây là văn thứ nhất, có ba:

1. Dời Như Lai.
2. Dời cây Giác (Bồ-đề).
3. Dời hải chúng, tức chúng hội vô biên giống như biển.

Kinh: Các hoa sen báu... làm Phật sự

Tán: Suy nghĩ dời Phật sự, có hai:

1. Dời hoa.
2. Dời thêm.

Đoạn này nói về dời hoa. cõi Phật ở mười phương muốn làm Phật sự, trước phải dùng hoa sen, hoặc gởi hoặc rải, như nói Bát-nhã, tùy xa gần nơi mười phương thế giới đều gởi hoa sen, cùng với Đức Thích-ca mà làm Phật sự. Hóa Phật nơi hội pháp hoa gởi hoa cũng thế. Trong cõi tịnh kia, có loại hoa sen này, cho nên nay dời đi.

Kinh: Ba đường thêm báu... theo thêm báu mà lên.

Tán: Thứ hai dời đường thêm. Đường thêm báu của Đức Thích-ca thì Thiên đế làm ra, đường thêm báu của Vô động thì từ đất xuất hiện ra. Thích-ca thăng lên hư không, trụ ở Đạo-lợi, ba tháng kiết hạ là vì báo ân cha mẹ, cuối hạ sắp về Thiên đế sai Đại lực quỷ làm đường thêm cho Phật. Ở khoảng giữa lát vàng ròng, bên trái lát mã não, bên phải lát thủy tinh, cho nên gọi là tam đạo. Đường thêm báu ở cõi kia vì khiến trời người qua lại cho nên từ đất xuất hiện ra cũng không trái nghịch với lý. Chư thiên xuống nhân gian là vì muốn thấy Phật nghe pháp; người muốn lên cõi trời là vì muốn xem cung điện vườn rừng của Đế thích, vì thế cần phải có đường thêm báu. Phật sự ở mười phương mỗi mỗi đều chẳng đồng. Cõi kia tuy là tịnh độ nhưng cũng có hiệu Luân vi sơn... như Đức Phật Cực Lạc cũng có vương thành, cha mẹ, vợ con, ma vương, điều-đạt.

Kinh: Thanh tịnh như thế... chỉ cho đại chúng.

Tán: Thứ ba, suy nghĩ dời các đại chúng trong cõi Đại thiên, chỉ cho đại chúng. Dưới từ mé thủy luân, mà không lấy kim luân và phong luân là vì muốn giữ lại chỗ y cứ. Trên đến cõi trời Sắc cứu cánh mà không lấy cả cõi Vô sắc là vì không có hình tượng khí giới. Ở Tây phương hái hoa dùng dây mà khâu để trang sức, đem cõi nước mà đặt vào lòng bàn tay cũng nhẹ nhàng giống như thế.

Kinh: Ông Vô Cấu Xưng... đặt vào thế giới này.

Tán: Thứ tư, phát khởi Phật lực, gồm có bốn:

1. Khởi thần thông.
2. Người có duyên thì kinh ngạc thưa hỏi.

3. Người vô duyên thì chẳng hiểu.

4. Đây kia đều trái nghịch.

Đây là đoạn một.

Kinh: *Thanh văn ở cõi kia... cứu hộ chúng con.*

Tán: Thứ hai, có duyên thì kinh ngạc thưa hỏi. Có hai:

1. Hỏi.

2. Đáp.

Đây là lời hỏi: Người được Thiên nhân mới thấy cõi nước bị đời đi. Cho nên nói bạch Thiện thế! Cứu chúng con! Giúp chúng con!

Kinh: *Bấy giờ, Đức Phật Vô Động... chẳng phải là do ta làm ra*

Tán: Đây là lời Đức Phật cõi kia nói. Vì hiển thị các Bồ-tát ở cõi này có thần lực lớn, cho nên mới nói chẳng phải là do ta làm, đâu phải Đức Phật không thể phát khởi thần lực này? Do đó mà kinh ghi: “vì giáo hóa chúng sinh mà phương tiện nói như thế.

Kinh: *Các trời người mới học ở cõi kia... chẳng biết chẳng thấy.*

Tán: Thứ ba, người không có duyên thì chẳng thông đạt; có hai phần:

1. Nói về việc chẳng biết.

2. Nói về việc kinh sợ mà hỏi.

Đây là phần đầu. Trong báo tịnh độ theo lý thì không có các chúng trời người, nay các Bồ-tát là do Như Lai hóa hiện ra, cho nên hiện chẳng biết thì cũng không có lỗi, hoặc cho rằng tịnh độ này chung cho Báo độ và Hóa độ. Trong tịnh độ thì có chúng trời người, có chúng thế giới như sông biển... làm sao lại trái nghịch được.

Kinh: *Nghe lời này xong... sẽ đưa đến nơi đâu?*

Tán: Đây là kinh sợ thưa hỏi. Nghe các Bồ-tát có duyên thưa hỏi, Đức Phật Vô Động trả lời. Vì nghe lời Phật nói xong mới kinh sợ và han hỏi Đức Phật đã nói trước, nên sau đều xét biết, do đó ở đây không có lời đáp.

Kinh: *Cõi Diệu Hỷ... không khác với quốc độ của mình.*

Tán: Thứ tư, đây kia chẳng trái nghịch. Tướng của cõi tịnh kia chẳng tùy theo cõi này mà giảm, cũng chẳng tăng trưởng. Cõi này cũng chẳng do cõi kia ép chặt, cả hai chen nhau mà lại không khác...

Kinh: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... Bồ-tát và Thanh văn chẳng?*

Tán: Thứ năm, Thế Tôn hỏi và khuyên bảo, gồm bốn:

1. Đức Phật hỏi.

2. Đại chúng trả lời.

3. Vô Cấu cúng hoa.

4. Như Lai lại khuyên.

Đây là đoạn thứ nhất.

Kinh: *Tất cả đều nói: “Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.”*

Tán: Thứ hai, đại chúng trả lời.

Kinh: *Bấy giờ, Vô Cấu Xưng... Bồ-tát.*

Tán: Thứ ba, ngài Vô Cấu cúng dường hoa. Dùng thần lực biến hóa ra các loại hoa; tự làm và dạy người khác làm, khiến đại chúng cúng dường, các Bồ-tát cõi kia, để hiển thị tâm đại Từ bi khuyên chúng tu hành. Đoạn này là nói về Vô Cấu Xưng khuyên tu; đoạn sau nói Như Lai khuyên tu.

Kinh: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... các hạnh Bồ-tát.*

Tán: Thứ tư, Như Lai lại khuyên. Tức muốn bên ngoài thành tự tịnh độ, bên trong là Bồ-tát, nên cần phải học hạnh Bồ-tát ở cõi Phật kia. Như các kinh nói: “Độ thoát các chúng sinh, liền sinh vào cõi Bất động, đồng tất cả thắng hạnh”.

Kinh: *Vô Cấu Xưng... cõi Phật cư trụ.*

Tán: Thứ sáu, trời người được lợi ích. Đầu tiên trời người phát nguyện, sau Phật thọ ký đương lai sinh; theo văn có thể tự biết.

Kinh: *Bấy giờ, Vô Cấu Xưng... hai chúng đều thấy.*

Tán: Thứ bảy, việc đã xong trở về bản xứ. Khi chia tay đây kia đều thấy.

Kinh: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... các Bồ-tát... chăng?*

Tán: Đoạn thứ tư, Thu tử khen ngợi; có hai:

1. Phật hỏi Thu tử.
2. Thu Tử đáp và khen ngợi.

Đây là văn thứ nhất Phật đã rõ Thu Tử đã thấy mà còn hỏi là muốn Thu Tử phát ra lời ấy, khiến cho hàng Thanh văn đồng nguyện và khen ngợi.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói: “Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.*

Tán: Từ đây là lời đáp và khen ngợi, có bốn:

1. Đáp.
2. Nguyện.
3. Vui thích.
4. Khen ngợi.

Đây là câu trả lời.

Kinh: *Nguyện các hữu tình... như Vô Cấu Xưng.*

Tán: Thứ hai là nguyện, có ba:

1. Nguyện các chúng sinh đều sống ở tịnh độ.

2. Nguyện thành tự phước trí như Đức Vô Động.

3. Nguyện đạt được thần thông như ông Vô Cấu Xưng; tất cả như văn kinh, có thể tự biết.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con... Đạo sĩ như thế.

Tán: Thứ ba là vui thích. Vui thích vì mình đã gặp được duyên lành, học được hạnh Bồ-tát siêng tu ở cõi kia.

Kinh: Các hữu tình kia... tinh tấn tu hành.

Tán: Thứ tư, khen ngợi, gồm mười câu:

1. Ba tuệ đều hay làm lợi ích. Chỉ nghe giáo này mà nói là đạt lợi ích lớn, còn vĩnh viễn nhổ trừ gốc sinh tử hà hướng gì đầy đủ sáu đức tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuyết và tu. Luận Trung Biên ghi: “Đó là biên chép, cúng dường, ban cho người nghe, xem, đọc, thọ trì, diễn nói, đọc tụng, suy nghĩ và tu hành. Tu mười pháp hành sẽ đạt được vô lượng phước thù thắng và vô tận, đó là do nhiếp phục người không dừng nghỉ. Đây là đức tin hiểu trong phần nêu chung, tức tư duy chỗ nhiếp phục. Văn sau có hai là cúng dường và biên chép, cộng với văn trước đã nói là thành chín. Đoạn dưới nói tùy hỷ tức là ban phát cho người, tức đầy đủ mười hạnh.

Kinh: Nếu các hữu tình... tương tục kế thừa chư Phật.

Tán: Sau đây gồm chín câu, hiểu riêng về đức của kinh. Bản xưa có sáu câu. Đoạn này có hai câu:

1. Tay có được tài bảo. Nếu tay được thì liền được pháp bảo, có thể làm lợi ích lớn, đáng trân trọng thuộc về tu hành.

2. Tin hiểu nối tiếp Phật chủng. Nếu tin hiểu liền kế thừa được thân Phật, khiến thân được tương tục. Tin hiểu tức là tin và có văn tư tuệ, là nhân Phật, cho nên gọi là kế tục.

Kinh: Nếu các hữu tình... chánh pháp vô thượng.

Tán: Đoạn này có hai câu:

1. Đọc tụng là bạn tốt. Nếu đọc tụng thì thân là Bồ-tát, giáo là pháp Phật, chẳng lìa đọc tụng, nên gọi cả hai là bạn.

2. Thọ trì liền gom nhiếp chánh pháp. Nếu có thọ trì thì thâm nhiếp chánh pháp. Nhiếp tức bao quát, thọ tức lãnh nạp, giữ gìn tại tâm, luôn không quên sót, tức có thể nhận lãnh tất cả chánh pháp vô thượng. Thể của chánh pháp vô thượng tức là giáo, lý, hạnh, quả của Đại thừa.

Kinh: Nếu có cúng dường... Nhất thiết trí trí.

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Cúng dường người học pháp này biết trong thất ấy có Phật. Người học pháp này, sẽ giữ gìn thân Phật, trong thân đã có nhân báo,

hóa thân, sở học tức pháp thân Như Lai, cho nên có thể cúng dường, người học pháp này sẽ biết được ngôi thất ấy có Như Lai.

2. Biên chép gom nhiếp phước tuệ. Nếu biên chép cúng dường pháp này thì có thể gom nhiếp được phước đức trí tuệ. Vì kinh này hay sinh phước tuệ.

Kinh: *Nếu có người tùy hỷ... được giai vị bất thoái chuyển.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Tùy hỷ lập hội pháp thí. Có tùy hỷ thì có pháp thí, pháp này hay làm lợi ích cho chúng sinh. Cho nên nếu tùy hỷ thì sẽ làm cho được lưu hành, không chướng ngại, khiến người khác tu học. Nên có tùy hỷ thì thành pháp thí.

2. Diễn thuyết thì đến giai vị bất thoái. Một bài kệ bốn câu, tức bốn câu là một bài kệ tụng. Thuyết bốn câu đầy đủ lý của kinh này gọi là một bài kệ bốn câu.

Bất thoái có bốn:

1. Tín.
2. Vị.
3. Chứng.
4. Hạnh.

Như đã nói ở trước, tùy theo chỗ thích hợp mà đạt bất thoái này.

Kinh: *Các thiện nam... đã được thọ ký.*

Tán: Đoạn này có một câu, nói về tư duy được thọ ký. Tức đối với pháp môn này mà tin, hiểu, chấp nhận, lãnh nạp, vui thích, quán xét, thì liền được thọ ký nơi đạo Bồ-đề. Có nhân Phật này thì sẽ đắc quả. Tuy không có lời của Phật, nhưng không khác với sự thọ ký, cho nên gọi là “đã được”.
